

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
**VĂN PHÒNG**

Số: 986 /VP-HCTC

V/v triển khai chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện  
Quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng các Phòng chuyên môn;
- Giám đốc, Phó Giám đốc các Trung tâm;
- Phó Trưởng Ban Tiếp công dân;
- Trưởng Công Thông tin điện tử tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh nhận được Công văn số 59/BCĐ-THNC ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Đồng Nai về việc triển khai chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (kèm theo); Chánh Văn phòng UBND tỉnh có ý kiến như sau:

- Giao Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm, Công Thông tin điện tử trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh triển khai, quán triệt cho công chức, viên chức và người lao động cơ quan, đơn vị nội dung Công văn số 59/BCĐ-THNC ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Đồng Nai về việc triển khai chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước để thực hiện.

- Giao phòng Hành chính – Tổ chức tham mưu, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tại Văn phòng UBND tỉnh đảm bảo đúng theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC.

(Quyên.CV2023)

**CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Kim Long

HƯ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
BAN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC  
BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2023

Số: 59 /BCĐ-THNC  
V/v chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy  
định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng Tỉnh ủy;
- Bí thư Huyện ủy, Thành ủy;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Ban Chỉ đạo Công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Đồng Nai sao Công văn số 4114/BCA-ANCTNB ngày 25/11/2022 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật Bảo vệ BMNN, gửi đến các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh để triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, cần chú ý một số vấn đề cơ bản sau:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm: Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 24/5/2013 về việc kiểm tra thiết bị điện tử, máy tính được sử dụng truyền và lưu giữ thông tin BMNN trên địa bàn tỉnh. Không sử dụng thiết bị điện tử, máy tính có kết nối internet (kể cả lúc kết nối và không kết nối) để soạn thảo, lưu trữ, sao chép, in ấn BMNN; không được lưu trữ BMNN vào máy tính cá nhân và thiết bị khác không an toàn. Trước khi đưa thiết bị điện tử, máy tính dùng để soạn thảo, lưu trữ, sao chép, in ấn BMNN, phải được Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn, dán tem; ngược lại, trước khi chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi BMNN thì phải được Công an tỉnh rà quét, làm sạch; Công văn số 426/UBND-THNC ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về chấn chỉnh công tác bảo vệ BMNN và cung cấp thông tin. Trong đó, chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, đảng viên các quy định về công tác bảo vệ BMNN; Tiếp tục triển khai Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (Nghị định 26); Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (Thông tư 24).

2. Về căn cứ để xác định độ mật:

- Phải căn cứ vào danh mục BMNN đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành để xác định BMNN và độ mật của BMNN: có 35 danh mục BMNN thuộc các ngành, lĩnh vực (trong đó có 03 danh mục thuộc lĩnh vực Cơ yếu, Công an



nhân dân, Quân đội nhân dân là tài liệu mật nên không đăng công khai trên mạng Internet). Bên cạnh việc căn cứ danh mục BMNN của ngành, lĩnh vực mình, thường phải nghiên cứu, áp dụng 03 danh mục BMNN như: *danh mục BMNN của Đảng, lĩnh vực Nội vụ và của lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng...*

- Trường hợp sử dụng BMNN của cơ quan, tổ chức khác thì phải xác định độ mật tương ứng;

- Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa BMNN thuộc danh mục BMNN có độ mật khác nhau thì xác định theo **độ mật cao nhất**.

3. Trong văn bản mật, tại phần cuối của mục “Nơi nhận” phải thể hiện rõ: Số lượng bản (viết tắt là SL: ... bản; tính tất cả từ các bản lưu, phát hành và đóng dấu “Bản số...” theo quy định vào văn bản, từ số 01 đến bản cuối cùng); Họ tên người soạn thảo (viết tắt); Được phép hoặc không được phép sao, chụp. Đối với nội dung ghi chú “Được phép hoặc không được phép sao, chụp”, quán triệt và thống nhất như sau: Ghi: *Không được phép sao, chụp* đối với tài liệu có độ mật cao - Tuyệt mật hoặc cần hạn chế tối đa người tiếp cận và không cần sao, chụp vẫn có thể triển khai, thực hiện được nội dung; Để tránh ngộ nhận và đề cao tính cảnh báo, đối với tài liệu mật được phép sao, chụp, cần ghi rõ: *“Được phép sao, chụp theo quy định”*.

4. Thẩm quyền (trong tỉnh) cho phép sao, chụp BMNN:

- **Đối với độ Tuyệt mật:** Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh **được quyền hoặc ủy quyền** cho cấp phó thực hiện cho phép sao, chụp BMNN và phải được thể hiện bằng văn bản. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng, pháp luật và không được ủy quyền tiếp cho người khác;

- **Đối với độ Tối mật:** ngoài những người có thẩm quyền đối với độ Tuyệt mật, được cho sao, chụp độ Tối mật, còn có: Người đứng đầu sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; Bí thư huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước, **được quyền hoặc ủy quyền** cho cấp phó thực hiện cho phép sao, chụp BMNN và phải được thể hiện bằng văn bản. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng, pháp luật và không được ủy quyền tiếp cho người khác;

- **Đối với độ Mật:** ngoài những người có thẩm quyền đối với độ Tuyệt mật, Tối mật, được cho sao, chụp độ Mật, còn có: người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, **được**



**quyền** cho phép sao, chụp BMNN và **không được ủy quyền cho cấp phó** thực hiện quyền cho sao, chụp BMNN.

Hình thức sao tài liệu BMNN gồm: sao y bản chính, sao lục (sao lại bản sao y) và trích sao (Mẫu số 10 Thông tư 24). Bản sao phải đóng dấu “BẢN SAO SỐ” ở góc bên phải trên cùng trang đầu của bản sao; đóng dấu “BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC” ở trang cuối, người có thẩm quyền ký, đóng dấu tròn chức danh theo quy định. Bản chụp phải có văn bản ghi nhận việc chụp (Mẫu số 13 Thông tư 24). Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN không được kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. Việc sao, chụp phải được ghi vào “Sổ quản lý sao, chụp BMNN” và phát hành, ký nhận. Trường hợp sao nhiều bản, có thể nhân ra 01 bản, trình ký “BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC”, đóng dấu “BẢN SAO SỐ” rồi photocopy theo số lượng cần sao và đóng dấu mộc tròn chức danh của người ký theo quy định.

**5. Vận chuyển, giao, nhận BMNN:** đều phải vào sổ, ký nhận theo các mẫu sổ quy định tại Thông tư số 24. Tài liệu Tuyệt mật phải được bảo vệ bằng 02 lớp phong bì (bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật”, niêm phong bằng dấu của cơ quan, tổ chức mình tổ chức vào bì thư; bì ngoài ghi như tài liệu thường và đóng dấu ký hiệu chữ A). Tài liệu độ “Tối mật” và “Mật” được bảo vệ bằng 01 lớp phong bì, ngoài bì đóng dấu chữ “B”, “C” tương ứng với độ mật của tài liệu bên trong. Trường hợp BMNN được gửi đích danh cho người nhận, đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì” thì văn thư vào sổ theo ký hiệu ngoài bì, không được mở phong bì và chuyển đến người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có đóng dấu “Hỏa tốc” thì chuyển ngay đến lãnh đạo trực xử lý và thông báo cho người có tên trên phong bì biết.

**6. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ:**

- Việc mang tài liệu, vật chứa BMNN ra khỏi nơi lưu giữ để **phục vụ công tác trong nước** phải xin phép và được người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý BMNN cho phép;

- Mang tài liệu, vật chứa BMNN ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác ở nước ngoài đòi hỏi quy trình phải chặt chẽ hơn nữa; phải được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i, k và l khoản 1, Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước hoặc cấp phó được ủy quyền cho phép và phải báo cáo Trưởng đoàn công tác. **Đối với cấp tỉnh**, thì Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch UBND tỉnh là người có thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa BMNN ra nước ngoài phục vụ công tác.

**7. Cung cấp, chuyển giao BMNN cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam** được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước (Điều 15, Luật Bảo



vệ BMNN). Cung cấp, chuyển giao BMNN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài (Điều 16 Luật Bảo vệ BMNN).

Người có thẩm quyền cung cấp, chuyển giao BMNN cho cơ quan, tổ chức người Việt Nam là người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Bảo vệ BMNN. Cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến BMNN có văn bản (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, BMNN đề nghị cung cấp, tên cá nhân, địa chỉ...) gửi người có thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao BMNN. Trường hợp từ chối cung cấp, chuyển giao BMNN, người có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người có thẩm quyền cung cấp, chuyển giao BMNN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài: Thủ tướng Chính phủ quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy và Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được cung cấp, chuyển giao BMNN độ Tối mật, Mật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có văn bản gửi cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ có liên quan đến BMNN; cơ quan này có trách nhiệm chuyển đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến người có thẩm quyền cung cấp, chuyển giao. Trường hợp từ chối người có thẩm quyền cung cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**8. Thẩm quyền và những vấn đề cần chú ý khi tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp (gọi chung là hội nghị) có nội dung BMNN của cơ quan, tổ chức Việt Nam (Điều 17, Luật Bảo vệ BMNN và Điều 6 Nghị định 26):**

- Đối với hội nghị độ **Tuyệt mật** gồm: Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy và Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, được tổ chức;

- Đối với hội nghị độ **Tối mật**: ngoài những người có thẩm quyền đối với độ Tuyệt mật, được tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung Tối mật, còn có: Người đứng đầu sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; người đứng đầu đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện; Bí thư huyện ủy, thành ủy và Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Đối với hội nghị độ **Mật**: ngoài những người có thẩm quyền đối với độ Tuyệt mật, Tối mật, được tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung Mật, còn có: Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; trưởng ban của Hội đồng nhân dân, trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương.

Đối với hội nghị có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam, có nội dung BMNN phải do cơ quan, tổ chức Việt Nam tiến hành và khi tổ chức phải được



sự đồng ý bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ đối với hội nghị có nội dung BMNN độ Tuyệt mật; nội dung BMNN độ Tối mật, Mật phải được người có thẩm quyền đồng ý, cụ thể: Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy và Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc tổ chức hội nghị có nội dung BMNN, phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: Được sự đồng ý của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Luật Bảo vệ BMNN về việc sử dụng nội dung BMNN; Thành phần tham dự là đại diện cơ quan, tổ chức hoặc người được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến BMNN; Địa điểm tổ chức bảo đảm an toàn, không dễ bị lộ, bị mất BMNN; Sử dụng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu bảo vệ BMNN; Có phương án bảo vệ hội nghị; Tài liệu, vật chứa BMNN phải được thu hồi sau hội nghị. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức hội nghị có nội dung BMNN có trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu nêu trên (tại khoản 1 Điều 17 Luật Bảo vệ BMNN). Người tham dự hội nghị có nội dung BMNN có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng BMNN theo quy định của Luật Bảo vệ BMNN và yêu cầu của người chủ trì hội nghị.

Hội nghị có nội dung BMNN được tổ chức trong phòng họp kín tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức. Trường hợp tổ chức ở ngoài trụ sở làm việc, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm đề nghị cơ quan Bộ Công an, Công an cấp tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trong và ngoài khu vực diễn ra hội nghị; *hội nghị do Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì tổ chức do cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện.* Hội nghị có nội dung bí mật nhà nước tổ chức từ hai ngày trở lên phải niêm phong phòng họp sau mỗi ngày tổ chức hội nghị. Phải sử dụng micro có dây và các phương tiện, thiết bị được cơ quan Bộ Công an, Công an cấp tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trước khi lắp đặt (*trừ phương tiện, thiết bị do Ban Cơ yếu Chính phủ trang bị; hội nghị do Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì tổ chức do cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện*). Trường hợp hội nghị có nội dung bí mật nhà nước tổ chức bằng hình thức truyền hình trực tuyến phải bảo vệ đường truyền theo quy định pháp luật về cơ yếu. Người tham dự không được mang thiết bị có tính năng thu, phát tin, ghi âm, ghi hình vào trong hội nghị có nội dung bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật. Đối với hội nghị có nội dung bí mật nhà nước độ Mật, việc sử dụng phương tiện, thiết bị được thực hiện theo yêu cầu của người chủ trì. Hội nghị có nội dung bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, cơ quan, tổ chức chủ trì quyết định việc bố trí lực lượng canh gác, bảo vệ bên ngoài; dự kiến các tình huống phức tạp có thể xảy ra ảnh hưởng đến an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức hội nghị và phương án giải quyết, xử lý; phải có biện pháp kiểm tra an ninh, an toàn đối với người tham dự.

9. Thời hạn bảo vệ BMNN (Điều 19 Luật Bảo vệ BMNN): 30 năm đối với BMNN độ Tuyệt mật; 20 năm đối với BMNN độ Tối mật; 10 năm đối với BMNN



độ Mật. Thời hạn bảo vệ BMNN về hoạt động có thể ngắn hơn thời hạn quy định trên và phải xác định cụ thể tại tài liệu, vật chứa BMNN khi xác định độ mật và đóng dấu thời hạn bảo vệ BMNN. Thời hạn bảo vệ BMNN về địa điểm kết thúc khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không sử dụng địa điểm đó để chứa BMNN.

**10. Gia hạn thời hạn bảo vệ BMNN (Điều 20 Luật Bảo vệ BMNN):** Thời hạn bảo vệ BMNN được gia hạn nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ BMNN, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định BMNN quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ BMNN. Mỗi lần gia hạn không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Bảo vệ BMNN, không giới hạn số lần gia hạn. Sau khi gia hạn phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc gia hạn. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gia hạn, cơ quan, tổ chức đã gia hạn phải thông báo bằng văn bản để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đóng dấu, xác định việc gia hạn.

**11. Điều chỉnh độ mật (Điều 21 Luật Bảo vệ BMNN):** Việc điều chỉnh độ mật (tăng, giảm độ mật) phải căn cứ vào danh mục BMNN (*khi có thay đổi theo danh mục mới*). Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định độ mật của BMNN có thẩm quyền quyết định điều chỉnh độ mật của BMNN. Sau khi điều chỉnh độ mật phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc tăng độ mật, giảm độ mật. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh độ mật, cơ quan, tổ chức đã điều chỉnh độ mật phải thông báo bằng văn bản để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc điều chỉnh độ mật tương ứng.

**12. Giải mật (Điều 22 Luật Bảo vệ BMNN):** là xóa bỏ độ mật của BMNN; BMNN được giải mật toàn bộ hoặc một phần. *Các trường hợp đương nhiên giải mật:* Hết thời hạn bảo vệ BMNN theo quy định tại Điều 19 của Luật Bảo vệ BMNN; không còn thuộc danh mục BMNN (cơ quan, tổ chức xác định BMNN phải đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc giải mật và thông báo ngay bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan). Trường hợp giải mật toàn bộ hoặc một phần nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế thì: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định BMNN thành lập Hội đồng giải mật (*Hội đồng giải mật bao gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức xác định BMNN làm Chủ tịch Hội đồng và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan*). Hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét việc giải mật, báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định BMNN quyết định. Sau khi giải mật phải đóng dấu giải mật (Mẫu số 05), có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc giải mật; trường hợp giải mật một phần thì quyết định giải mật phải thể hiện đầy đủ nội dung thông tin giải mật. Hồ sơ giải mật phải được lưu trữ bao gồm: quyết định thành lập Hội đồng giải mật; BMNN đề nghị giải mật; biên bản họp Hội đồng giải mật; quyết định giải mật và tài liệu khác có liên quan. Đối với BMNN do Lưu trữ lịch sử lưu trữ, nếu không xác định được cơ quan xác định BMNN thì Lưu trữ lịch sử



quyết định việc giải mật theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày có quyết định giải mật, cơ quan, tổ chức quyết định giải mật phải thông báo bằng văn bản để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc giải mật.

**13.** Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (Điều 23 Luật Bảo vệ BMNN): Khi không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; Trường hợp đặc biệt, nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc và báo cáo ngay bằng văn bản về việc tiêu hủy với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Việc tiêu hủy phải không để bị lộ, bị mất bí mật nhà nước; đảm bảo sau khi tiêu hủy không thể phục hồi được; phải thành lập Hội đồng tiêu hủy theo quy định.

**14.** Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý BMNN (Điều 25 Luật Bảo vệ BMNN), trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý BMNN (Điều 26 Luật Bảo vệ BMNN) và phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước:

- Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan: Ban hành nội quy bảo vệ BMNN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật và quy chế, nội quy về bảo vệ BMNN trong cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; Chỉ đạo xử lý và kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý; Tổ chức thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý BMNN thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý BMNN;

- Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý BMNN: Tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức về bảo vệ BMNN; Thực hiện các biện pháp bảo vệ BMNN; Sử dụng BMNN đúng mục đích; Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý BMNN. Người trực tiếp quản lý BMNN có trách nhiệm thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ BMNN; Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp để bảo vệ BMNN do mình trực tiếp quản lý; Trường hợp phát hiện vi phạm trong hoạt động bảo vệ BMNN thì người trực tiếp quản lý BMNN phải có biện pháp xử lý và báo cáo người có trách nhiệm giải quyết, thông báo cho cơ quan, tổ chức xác định BMNN biết để có biện pháp khắc phục; Trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý BMNN thì phải bàn giao BMNN cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý và cam kết bảo vệ BMNN đã quản lý...

**15.** Chú ý các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5 Luật Bảo vệ BMNN) như:

- Điều 5, cấm soạn thảo, lưu giữ TL BMNN trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật về cơ yếu;



- Điểm 7, cấm chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi BMNN khi chưa loại bỏ BMNN;

- Điểm 9, cấm đăng tải, phát tán BMNN trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

**16. Hành vi bị xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình.** Trong đó, chú ý các hành vi liên quan đến BMNN như: Không ban hành quy chế, nội quy bảo vệ BMNN trong cơ quan, tổ chức, địa phương theo quy định của pháp luật; Sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa BMNN không đúng quy định của pháp luật; Mang tài liệu, vật chứa BMNN ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác mà không được phép của người có thẩm quyền; Không bàn giao tài liệu, vật chứa BMNN khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, không được phân công tiếp tục quản lý BMNN; Xác định BMNN đối với tài liệu không chứa nội dung BMNN, đóng dấu chỉ độ mật lên tài liệu không chứa nội dung BMNN không đúng quy định của pháp luật; Xác định sai độ mật theo quy định của pháp luật; Không xác định, đóng dấu chỉ độ mật BMNN theo quy định; Không thực hiện biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả khi để xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước; Không thông báo với cơ quan, người có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước; Không loại bỏ BMNN khi chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước; Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng quy định; Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật; Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông không đúng quy định của pháp luật... **Hoặc có thể bị xử lý theo Luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các hành vi làm lộ, mất BMNN.**

**17.** Hàng năm, lập danh sách thống kê BMNN (bí mật nhà nước đi, đến) nhằm theo dõi, quản lý và thuận lợi trong việc rà soát, gia hạn tiếp tục bảo vệ hoặc giải mật theo quy định.

**18.** Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương rà soát việc tiếp nhận, lưu giữ các tài liệu đã được giải mật nêu tại Công văn số 1964-CV/VPTW/nb của Văn phòng Trung ương Đảng ngày 24/3/2023 về việc giải mật bí mật nhà nước (theo Quyết định số 1915-QĐ/VPTW ngày 22/3/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc giải mật 02 nghị quyết: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến



năm 2045) cũng như tại Công văn số 2042/A03-P9 ngày 31/3/2023 của Cục A03 Bộ Công an về thông báo, hướng dẫn giải mật BMNN (kèm theo) để đóng dấu “GIẢI MẬT” tính từ ngày 22/3/2023 vào bản chính, bản sao 02 nghị quyết này và cả các văn bản, tài liệu ban hành theo Nghị quyết số 11 và 13 được giải mật nêu trên.

19. Trong Quý III hoặc IV năm 2023, Bộ Công an sẽ tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN tại Đồng Nai. Vì vậy, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh phải tự kiểm tra, rà soát việc thực hiện công tác bảo vệ BMNN tại cơ quan, đơn vị mình nhằm kịp thời chấn chỉnh, bổ sung, khắc phục ngay những thiếu sót, không để xảy ra sai phạm. Thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Luật Bảo vệ BMNN, Nghị định 26, Thông tư 24 và nội dung chú ý nêu trên, như: việc đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình soạn thảo, xác định BMNN, phát hành, tiếp nhận, chuyển giao, sao, chụp BMNN (có thực hiện đúng theo các mẫu sổ, mẫu dấu; ký nhận; thống kê BMNN; việc sử dụng mạng Cơ yếu, máy vi tính và các thiết bị trong quá trình lưu giữ, bảo quản, chuyển đưa BMNN có an toàn, đúng quy định không?...); việc phân công cán bộ kiêm nhiệm theo dõi, thực hiện công tác bảo vệ BMNN; việc xây dựng quy chế hoặc nội quy bảo vệ BMNN?...

Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Đồng Nai hướng dẫn (kèm theo bản sao các văn bản: Công văn số 4114 của Bộ Công an; Công văn số 1964 của Văn phòng Trung ương Đảng và Công văn số 2042 của Cục A03 Bộ Công an nêu trên và Danh sách danh mục BMNN) để các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục A03 - BCA;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Tổng Công ty Cao su Đồng Nai;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Chánh, Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, THNC.



**TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Cao Tiến Dũng**